

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-PT

Ngày 11 - 01 - 2021

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Ông Nguyễn Duy Thuấn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:* Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 300/2020/TLPT-DS ngày 08/12/2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 281/2020/QĐ-PT ngày 15/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phương Thị C; địa chỉ: Thôn A, xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L; địa chỉ: Thôn D, xã T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2019); Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Mai N; địa chỉ: Thôn A, xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk; trụ sở: Khu trung tâm hành chính huyện K, thôn K1, xã D1, huyện K, Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn P, chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cư Kuin (Văn bản ủy quyền ngày 05/9/2019); Vắng mặt.

3.2. Ngân hàng S; trụ sở: Đường N1, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Công M; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Vĩnh H; chức vụ: Phó trưởng Phòng giao dịch K - Ngân hàng S - Chi nhánh Đ; địa chỉ: Buôn R, xã H1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 09/12/2019); Vắng mặt.

3.3. Ông Nguyễn Duy P1, bà Nguyễn Thị H1;

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1: Ông Nguyễn Duy P1.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 11/01/2021); Có mặt.

3.4. Bà Nguyễn Thị Y; địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, Đắk Lắk; Có mặt.

3.5. Ông Hoàng Văn T; địa chỉ: Thôn F, xã Q, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông; Có mặt.

3.6. Bà Trần Thị L1; địa chỉ: Thôn A, xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Phương Thị C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy P1, bà Nguyễn Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phương Thị C và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn L trình bày:

Năm 1986, vợ chồng ông Trần Văn T2 (đã chết năm 2007) và bà Phương Thị C khai hoang được diện tích đất rừng 3.540m² tại thôn A, xã C1, huyện K để làm nhà ở và trồng hoa màu. Năm 1994, ông T2 và bà C chuyển nhượng cho hộ ông Hoàng Văn T diện tích đất ngang 7m x dài 35m = 245m² để làm nhà ở. Tại thời điểm chuyển nhượng đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các bên chỉ thỏa thuận mua bán bằng miệng, không lập hợp đồng. Ngày 18/7/1998, UBND huyện A1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 405472 mang tên hộ Trần Văn T2, đối với thửa đất số 298a, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.820m², trong đó có 400m² đất ở và 1.420m² đất màu. Hộ ông Hoàng Văn T cũng được

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 298, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.720m².

Hộ bà C sử dụng diện tích 3.540m² từ khi khai hoang năm 1986 đến khi chuyển nhượng cho ông T diện tích 245m², sau đó sử dụng phần diện tích còn lại 3.295m² không tranh chấp với ai. Bà C là người dân tộc thiểu số, hiểu biết hạn chế lại không biết chữ, nên không để ý trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi diện tích là bao nhiêu để yêu cầu chỉnh sửa cho đúng. Ngày 19/12/2014, chính quyền địa phương đo đạc thực địa và xác nhận phần đất còn lại của bà Phương Thị C, xác định ranh giới giữa đất của bà C (thửa số 298 hiện nay là thửa số 623) với phần đất của ông Mai N, cũng như giáp ranh các hộ liền kề, thì thực tế đất của ông Mai N đang sử dụng tại thửa đất số 298 có chiều ngang mặt đường 7,64m, chiều dài 38,09m. Ông N đã ký vào bản mô tả này.

Năm 2016, do không còn nhu cầu sử dụng nên bà C đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đang sử dụng 3.295m² nói trên cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Duy P1 và bà Nguyễn Thị Y. Sau khi mua bán và bàn giao đất xong, các bên kiểm tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C thì phát hiện diện tích ghi trong giấy chứng nhận là 1.820m², diện tích bị thiếu 1.475m² của hộ bà C lại được cấp cho ông Mai N và bà Trần Thị L1 nằm trong thửa số 298 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 094555 do UBND huyện K cấp ngày 11/6/2013, nên các bên phát sinh tranh chấp. Bà C không biết việc năm 2013 ông Hoàng Văn T đã chuyển nhượng thửa đất số 298 này cho ông Mai N và bà Trần Thị L1. Tại thời điểm năm 2016 khi chuyển nhượng đất cho bà Y và bà H1, trên đất lúc này có 01 hầm biogas, 01 chuồng heo xây kiên cố, 01 giếng nước. Các tài sản này đều do hộ bà C tạo lập sau khi bà C bán đất cho ông T, được xây dựng tại vị trí tiếp giáp đất ông T đã bán cho ông Mai N nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N. Hiện nay toàn bộ các tài sản trên và thửa đất 298a do bà Y, bà H1 quản lý, sử dụng.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 094555 do UBND huyện K cấp ngày 11/6/2013 mang tên ông Mai N, bà Trần Thị L1 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 405472 do UBND huyện A1 cấp ngày 18/7/1998 mang tên hộ ông Trần Văn T2. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Mai N trình bày:

Ngày 06/4/2013, ông Mai N và vợ là bà Trần Thị L1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Hoàng Văn T và bà Đỗ Thị S1 thửa đất số 298, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.720m², trong đó có 400m² đất ở và 1.320m² đất đồng cây lâu

năm tại thôn A, xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk với giá 50.000.000 đồng, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông T, bà S1. Ông T đã bàn giao đất ngay sau đó cho ông N và bà L1 sử dụng. Ngày 16/6/2013, ông N, bà L1 được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 094555 đối với diện tích 1.720m² nói trên. Ông N đã thực hiện đầy đủ thủ tục chuyển nhượng theo quy định pháp luật, việc ông N và bà L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là đúng thực tế sử dụng. Vì vậy, ông N không đồng ý với khởi kiện của bà C về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 094555 do UBND huyện K cấp ngày 16/6/2013 đứng tên ông N và bà L1. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 405472 do UBND huyện A1 cấp ngày 18/7/1998 mang tên hộ ông Trần Văn T2 thì ông không có ý kiến gì. Năm 2014, ông có ký giáp ranh cho bà C vì bà C nói ký giáp ranh hộ liền kề chứ ông không xem sơ đồ vẽ như thế nào.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Nguyễn Duy P1, bà Nguyễn Thị H1 và bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Ngày 14/7/2016, vợ chồng ông Nguyễn Duy P1, bà Nguyễn Thị H1 cùng bà Nguyễn Thị Y có mua của bà Phương Thị C thửa đất số 298a, tờ bản đồ số 20, tại thôn A, xã C1, huyện K với giá 590.000.000 đồng. Các bên có đo đạc trên thực tế và bàn giao diện tích có chiều dài 1001,6m, chiều rộng 40,46m, chiều ngang khẩu súng 63,9m, chiều ngang mặt tiền 28,1m. Các bên lập giấy tờ viết tay và ký xác nhận, trong giấy bán đất do bà H1 ghi có xác định diện tích 400m² đất ở, còn lại là đất màu chứ không ghi cụ thể bao nhiêu.

Ông P1, bà H1 và bà Y đã trả cho bà C 300.000.000 đồng, còn lại 290.000.000 đồng hẹn khi nào bà C làm xong thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông bà thì sẽ trả đủ. Bà C đã bàn giao thửa đất số 298a và một phần thửa đất 298 cho ông P1, bà H1 và bà Y. Khi bàn giao trên đất có: 01 hầm biogas, 01 chuồng heo, 01 giếng nước, đường dây điện, 02 cái nhà lát bằng đất đã bị đổ và các cây trồng trên đất như trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ là do bà C tạo lập, các ông bà quản lý sử dụng cho đến nay. Trước đó, từ năm 2010 các ông, bà đã thuê thửa đất này của bà C để làm nơi đổ trụ bê tông, cọc rào. Đến nay thủ tục chuyển nhượng giữa bà C và các ông, bà chưa thực hiện xong do bà C phát hiện diện tích trong giấy chứng nhận bị thiếu so với thực tế sử dụng (bà C cho rằng đất còn thiếu nằm trong thửa 298 của gia đình ông N). Nay bà C khởi kiện ông N đề nghị hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông N, bà L1 và ông Trần Văn T2 thì các ông, bà đồng ý, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng S trình bày:

Ngày 10/01/2019, ông Mai N và bà Trần Thị L1 có vay vốn của Ngân hàng số tiền 150.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số LD1900800840, thời hạn vay 36 tháng, thời hạn giấy nhận nợ tối đa 12 tháng. Khi vay ông N, bà L1 có thể chấp quyền sử dụng đất tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0036/2019/TC/CK ngày 10/01/2019 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 094555 do UBND huyện K cấp ngày 11/6/2013 mang tên ông Mai N, bà Trần Thị L1 đối với thửa đất 298, tờ bản đồ số 20 tại xã C1.

Nay bà Phương Thị C khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thì Ngân hàng không đồng ý vì khi cho vay Ngân hàng đã xác minh đúng thực tế là tài sản hợp pháp của ông N, bà L1. Hiện nay ông N, bà L1 vẫn đang thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng nên Ngân hàng không liên quan và xin từ chối tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện K trình bày:

Ngày 11/6/2013, Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 094555 đối với thửa đất số 298, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại thôn 02, xã C1 cho ông Mai N và bà Trần Thị L1. Nguồn gốc đất là do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Do đó, bà Phương Thị C khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BH 094555 do UBND huyện K cấp ngày 11/6/2013 mang tên ông Mai N, bà Trần Thị L1 và GCNQSDĐ số O 405472 do UBND huyện A1 cấp ngày 18/7/1998 mang tên hộ ông Trần Văn T2 thì Ủy ban nhân dân huyện K không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 157, 165, 203, 220, 235, 244, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; khoản 4 Điều 4, khoản 1 Điều 106, khoản 2 Điều 107 và Điều 127 Luật Đất đai năm 2003; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phương Thị C về việc hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 405472 do Ủy ban nhân dân huyện A1, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/7/1998 đứng tên ông Trần Văn T2

đối với thửa đất số 298a, tờ bản đồ 20 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 094555 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 11/9/2013 đứng tên ông Mai N và bà Trần Thị L1 đối với thửa đất số 298, tờ bản đồ 20, đất tọa lạc tại thôn A, xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Về chi phí tố tụng: Bà Phương Thị C phải chịu 150.000 đồng tiền chi phí thu thập tài liệu, chứng cứ và 1.850.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, được khấu trừ 2.000.000 đồng tiền tạm ứng bà C đã nộp theo phiếu thu số 12 ngày 05/9/2019 (Đã chi phí xong).

- Về án phí: Bà Phương Thị C được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Ngày 09/10/2020, nguyên đơn bà Phương Thị C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy P1, bà Nguyễn Thị Y có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phương Thị C giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy P, bà Nguyễn Thị Y giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá Đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vi phạm về thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ không đầy đủ, đánh giá chứng cứ không toàn diện, khách quan làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk giao hồ sơ cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 để xác định đây là vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” và xác định thẩm quyền giải

quyết thuộc Tòa án nhân dân cấp huyện là không đúng. Bởi lẽ, tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phương Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 094555 do UBND huyện K cấp ngày 11/6/2013 mang tên ông Mai N, bà Trần Thị L1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 405472 do UBND huyện A1 cấp ngày 18/7/1998 mang tên hộ ông Trần Văn T2. 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là quyết định hành chính cá biệt do cơ quan nhà nước có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành, nguyên đơn bà C không có yêu cầu giải quyết về tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các bên mà chỉ yêu cầu hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, đây là vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, đồng thời quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” mới đúng quy định pháp luật.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án không đúng thẩm quyền, không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, vụ án hành chính nhưng lại thụ lý vụ án dân sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, những vi phạm này không thể khắc phục tại cấp phúc thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 300/2020/TLPT-DS ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và trả lại đơn khởi kiện cho bà Phương Thị C, bà C có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án nên bà Phương Thị C, ông Nguyễn Duy P1, bà Nguyễn Thị Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 217, khoản 4 Điều 308, Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phương Thị C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Duy P1.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 300/2020/TLPT-DS ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và trả lại đơn khởi kiện cho bà Phương Thị C, bà C có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về chi phí tố tụng: Bà Phương Thị C phải chịu 150.000 đồng tiền chi phí thu thập tài liệu, chứng cứ và 1.850.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, được khấu trừ 2.000.000 đồng tiền tạm ứng bà C đã nộp theo phiếu thu số 12 ngày 05/9/2019 (Đã chi phí xong).

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phương Thị C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phương Thị C, ông Nguyễn Duy P1 và bà Nguyễn Thị Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Duy P1 và bà Nguyễn Thị Y mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số AA/2019/0011028 và số AA/2019/0011029 cùng ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng